

## Các số 10, 20, 30, 40, 50, 60, 70, 80, 90

### I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

#### 1. Yêu cầu cần đạt về kiến thức, kĩ năng:

- Biết cách đếm các đồ vật có số lượng 10, 20, 30, 40, 50, 60, 70, 80, 90. Thông qua đó, HS nhận biết được số lượng, hình thành biểu tượng về số 10, 20, 30, 40, 50, 60, 70, 80, 90.

- Đọc, viết số 10, 20, 30, 40, 50, 60, 70, 80, 90.

#### 2. Phẩm chất, năng lực:

- Thông qua các hoạt động quan sát tranh, đếm số lượng, nhận biết số **10, 20, 30, 40, 50, 60, 70, 80, 90** trong các tình huống thực tiễn, học sinh có cơ hội được phát triển năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực tư duy và lập luận toán học.

- Thông qua việc sử dụng các số 10, 20, 30, 40, 50, 60, 70, 80, 90 để biểu thị số lượng, trao đổi chia sẻ với bạn các ví dụ về số 10, 20, 30, 40, 50, 60, 70, 80, 90 trong thực tiễn, học sinh có cơ hội được phát triển năng lực mô hình hóa toán học, năng lực giao tiếp toán học.

### II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Tranh khởi động

- Các thanh gồm 10 khối lập phương.

- Các thẻ số tròn chục và các thẻ chữ.

### III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<b>A. Hoạt động mở đầu: Khởi động</b> - GV đưa tranh - Đếm số lượng các khối lập phương - Yêu cầu HS thảo luận: Có cách nào đếm số khối lập phương dễ dàng và ít nhầm lẫn không?  - GV nhận xét, hướng dẫn: Gạt nhóm 10 khối lập phương vào thành 1 nhóm.	- HS quan sát - HS đếm số lượng - HS thảo luận, chia sẻ  - HS nhận xét
<b>B. Hoạt động hình thành kiến thức mới</b> <b>1. Hoạt động 1: Hình thành các số 10, 20, 30, 40, 50, 60, 70, 80, 90.</b> - GV yêu cầu HS lấy 10 khối lập phương và đếm. ? Có bao nhiêu khối lập phương? - GV thực hiện thao tác xếp 10 khối lập phương thành 1 thanh - GV nói: mười - GV gắn thẻ chữ “mười”, thẻ số: 10 - GV y/c HS lấy 20 khối lập phương và đếm. ? Có bao nhiêu khối lập phương?	- HS lấy và đếm số khối lập phương. - Có 10 khối lập phương. - HS quan sát  - HS đọc: mười - 10  - HS thao tác - Có 20 khối lập phương.

<p>- GV thực hiện thao tác xếp 10 khối lập phương thành 1 thanh, 20 khối lập phương thành 2 thanh, mỗi thanh 10 khối lập phương</p> <p>- GV chỉ và đếm: mười, hai mươi</p> <p>- GV gắn thẻ chữ “hai mươi”, thẻ số: 20</p> <p>- GV: Khi có nhiều khối lập phương, các em có thể đếm 1, 2, 3, ....., 20 nhưng cũng có thể gạt ra từng nhóm 10 khối lập phương rồi đếm: mười, hai mươi, ... Cách đếm này sẽ giúp chúng ta ít nhầm lẫn hơn.</p> <p>- GV thực hiện tương tự như vậy:</p> <p>30 - ba mươi</p> <p>40 - bốn mươi</p> <p>50 - năm mươi</p> <p>60 - sáu mươi</p> <p>70 - bảy mươi</p> <p>80 - tám mươi</p> <p>90 - chín mươi</p> <p>- GV cho HS đếm nhiều lần</p> <p>? Dãy số: 10, 20, 30, 40, 50, 60, 70, 80, 90 theo thứ tự gì?</p> <p>? Dãy số: 90, 80, 70, 60, 50, 40, 30, 20, 10 theo thứ tự gì?</p> <p>? Các số này có đặc điểm gì giống nhau?</p> <p>=&gt; 10, 20, 30, 40, 50, 60, 70, 80, 90 là các số có 2 chữ số, đều có chữ số 0 đứng sau đây được gọi là các số tròn chục.</p> <p><b>2. Hoạt động 2: Viết các số 10, 20, 30, 40, 50, 60, 70, 80, 90</b></p> <p>- GV hướng dẫn HS quan sát số và viết mẫu.</p> <p>? Các số 10, 20, 30, 40, 50, 60, 70, 80, 90 là số có mấy chữ số?</p> <p>? Các số đều cao mấy li?</p> <p>? Khoảng cách giữa 2 chữ số như thế nào?</p> <p>- GV viết mẫu</p> <p>- GV cho HS viết bảng con.</p>	<p>- HS quan sát</p> <p>- HS quan sát</p> <p>- HS đọc: hai mươi - 20</p> <p>- HS đếm xuôi, ngược + 10, 20, 30, 40, 50, 60, 70, 80, 90 + 90, 80, 70, 60, 50, 40, 30, 20, 10</p> <p>- Dãy số xếp theo thứ tự từ bé đến lớn</p> <p>- Dãy số xếp theo thứ tự từ lớn đến bé</p> <p>- Các số này đều có chữ số 0 đứng sau.</p> <p>- HS quan sát</p> <p>- Các số 10, 20, 30, 40, 50, 60, 70, 80, 90 là số có 2 chữ số.</p> <p>- Các số đều cao 2 ly</p> <p>- Khoảng cách giữa 2 chữ số là nửa ô vuông bé.</p> <p>- HS quan sát</p> <p>- HS viết bảng các số.</p> <p>- HS nhận xét</p>
--	--

<p>- Nhận xét, uốn nắn HS viết =&gt; Cách đọc và viết các số tròn chục</p> <p><b>C. Hoạt động thực hành, luyện tập</b></p> <p><b>Bài 1/T95:</b></p> <p>? Bài 1 có mấy phần?</p> <p>- Gọi HS đọc yêu cầu</p> <p>- Cho HS đếm và nêu số lượng</p> <p>? Có tất cả bao nhiêu hạt?</p> <p>? Có 3 vòng như nhau, mỗi vòng có bao nhiêu hạt?</p> <p>- Gọi HS nêu cách đếm</p> <p>- GV chốt: Vậy ta đếm: mười - hai mươi - ba mươi sẽ nhanh hơn và ít nhầm lẫn hơn.</p> <p>? Có bao nhiêu viên kẹo?</p> <p>- Đếm nhanh tương tự như phần a</p> <p>- Có 4 túi kẹo giống nhau, mỗi túi có 10 viên kẹo, vậy 4 túi là 40 viên kẹo.</p> <p>=&gt; Chốt cách đếm số lượng, ta có thể đếm lần lượt hoặc đếm 10, 20, 30,... khi thấy các nhóm đồ vật có số lượng bằng nhau. Như vậy vừa nhanh và chính xác.</p> <p><b>Bài 2/T95:</b></p> <p>- Gọi HS đọc YC bài</p> <p>- Cho HS làm VBT</p> <p>- Chữa bài, nhận xét, sửa sai cho HS</p> <p>? Em có nhận xét gì về các số này?</p> <p>? Dãy số có đặc điểm gì giống nhau?</p> <p>? Các số được sắp xếp theo thứ tự gì?</p> <p><b>D. Hoạt động vận dụng</b></p> <p><b>Bài 3/T95:</b></p> <p>- Tổ chức cho HS chơi trò chơi</p> <p>- Cho HS chọn 1 thẻ: mười, hai mươi, ba mươi, bốn mươi, năm mươi, .... Rồi lấy số hạt đỗ/ hạt lạc/ viên sỏi.... Cho đủ số lượng.</p> <p>=&gt; củng cố cách nhận diện đúng đủ số lượng các vật và số tương ứng.</p> <p><b>E. Củng cố, dặn dò</b></p> <p>- Bài hôm nay, em biết thêm được điều gì?</p>	<p>- HS đọc</p> <p>- HS đếm số lượng hạt, viên kẹo</p> <p>- HS: Có 30 hạt</p> <p>Mỗi vòng có 10 hạt</p> <p>- HS đếm</p> <p>- Có 40 viên kẹo</p> <p>- Mỗi túi có 10 viên kẹo, vậy đếm: mười, hai mươi, ba mươi, bốn mươi.</p>   <p>- HS đọc YC</p> <p>- HS làm VBT</p> <p>- Đối chéo VBT kiểm tra bạn làm</p> <p>- Các số này là số tròn chục</p> <p>- Dãy số đều có chữ số 0 đứng sau</p> <p>- Dãy số từ bé đến lớn</p>  <p>- HS chơi trò chơi</p> <p>+ VD: thẻ mười: lấy 10 hạt lạc...</p>  <p>- Số 10, 20, 30, 40, 50, 60, 70, 80, 90 là các số tròn chục.</p>
--	---

- Yêu cầu HS về nhà tìm và đếm số lượng các vật/hình để hôm sau chia sẻ với bạn. - Nhận xét, đánh giá tiết học	- HS lắng nghe.
---	-----------------

***Điều chỉnh sau bài dạy:***

.....

.....